TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 108/2018/QĐST-DS	*Trà Ôn, ngày 26 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 183/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2018;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hào giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: 1/ Anh Nguyễn Thanh Q, sinh năm 1970

2/ Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Cùng địa chỉ cư trú: ấp V, xã G, huyện W, tỉnh Vĩnh Long

Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: thị trấn L, huyện V, tỉnh Đồng Tháp

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh M, sinh năm 1974. Địa chỉ cư trú: Phường P, quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 03/10/2018).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Hồ Thị K, sinh năm 1978

Địa chỉ cư trú: phường B, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1962. Địa chỉ cư trú: Phường J, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 10/10/2018).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị T đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuộc thửa 556, tờ bản đồ số 46, diện

tích 43,8m^2, tọa lạc tại ấp K, xã O, huyện T, tỉnh Vĩnh Long do anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 016352, số vào sổ cấp GCN:CH07342 được Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 15/02/2017, số công chứng số 2048, quyển số 01/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn Phòng Công chứng Nguyễn Thị Ngọc D, tỉnh Vĩnh Long ngày 11/7/2018 cho anh Trương Văn H.

Các đương sự có nghĩa vụ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo qui định của pháp luật về đất đai.

2.2. Anh Trương Văn H có nghĩa vụ trả tiếp số tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại cho anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị T 550.000.000đ (năm trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Thanh Q và chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trương Văn H chưa thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: là 13.000.000đ (mười B triệu đồng) nguyên đơn, bị đơn mỗi bên nộp ½ án phí, cụ thể:

Anh Nguyễn T Q và chị Nguyễn Thị T liên đới nộp 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào H tạm ứng án phí 300.000đ (B trăm ngàn đồng) anh Q và chị T đã nộp theo biên lai thu số 0014864 ngày 10/9/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, còn lại 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm ngàn đồng) buộc anh Q và chị T phải nộp tiếp.

Anh Trương Văn H nộp 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
đã ký

Hồ Hoàng Phong